



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG III/2017**



HÀ NỘI, THÁNG IV/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2017	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2017	12
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV, V và VI/2017	18
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	18
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng III/2017 tại hầu hết các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-0,5^{\circ}\text{C}$ đến $2,5^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -24mm đến 184mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -46 giờ đến 75 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -9% đến 9%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng III/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,2$ đến $2,1^{\circ}\text{C}$); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $15,8^{\circ}\text{C}$ đến $23,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

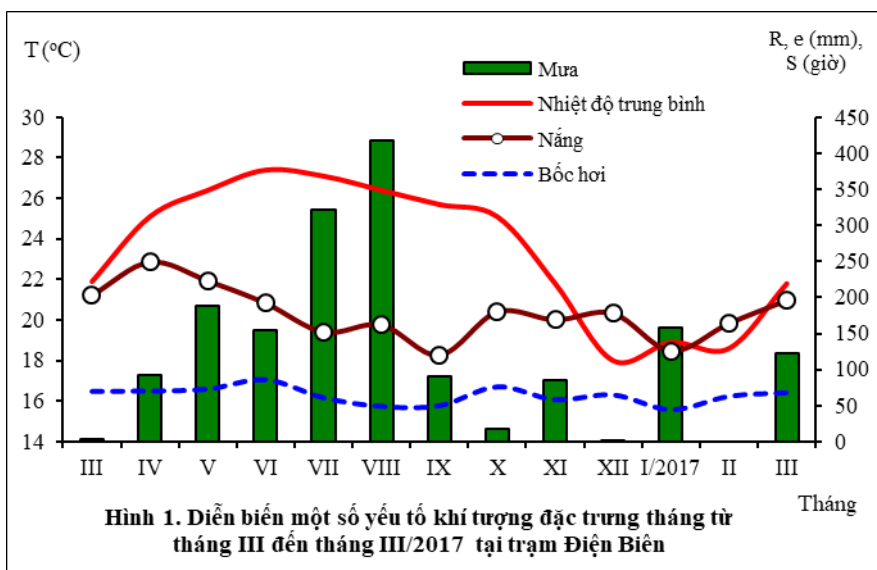
- Nhiệt độ không khí thấp nhất

trung bình tháng phổ biến từ $12,3^{\circ}\text{C}$ đến $20,0^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $8,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 2/III tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $20,8^{\circ}\text{C}$ đến $30,2^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $37,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 13/III tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 10mm đến 156mm . Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Điện Biên

trong khoảng từ 22mm đến 223mm, cao nhất là 223mm tại Shìn Hồ.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 10mm đến 50mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 19 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -39 giờ đến 31 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 42 giờ đến 209 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2017 dao động từ 62% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -9% đến 6%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 19% xảy ra vào ngày 23/III tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng III/2017 có giá trị phổ biến từ 35mm đến 113mm, cao nhất là 128mm tại Cò Nòi. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-158mm đến 91mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 8mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 2 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 13 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 7 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng III vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,2⁰C đến 1,9⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 14,5⁰C đến 22,1⁰C

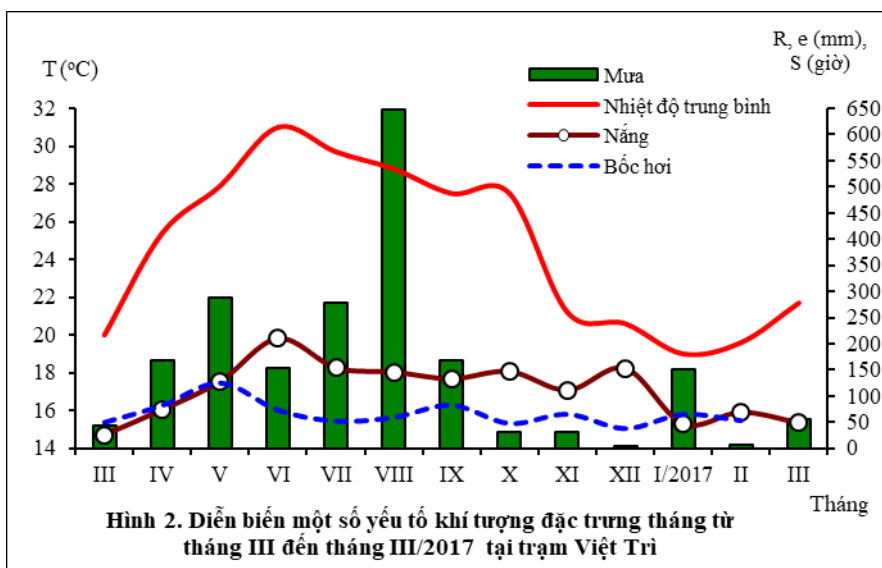
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 11,6⁰C đến 19,9⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 6,1⁰C xảy ra vào ngày 1/III tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 18,4⁰C đến 26,7⁰C, nhiệt độ

không khí cao nhất là 32,7⁰C xảy ra vào ngày 23/III tại Than Uyên.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 53mm đến 183mm, cao nhất là 218mm tại Bắc Quang và 225mm (Sapa); tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 16mm



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Việt Trì

đến 133mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 18mm đến 61mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 14 - 25 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 17 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 31 giờ đến 166 giờ, cao nhất là 224 giờ (Mù Căng Chải), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-27 giờ đến 14 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2017 phổ biến từ 80 đến 91%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (2% đến 9%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 24%, xảy ra vào ngày 4/III tại Than Uyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 33mm đến 86mm, cao nhất là 107mm tại Mù Căng Chải, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp giá trị lượng mưa (-181mm đến -10mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 7mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

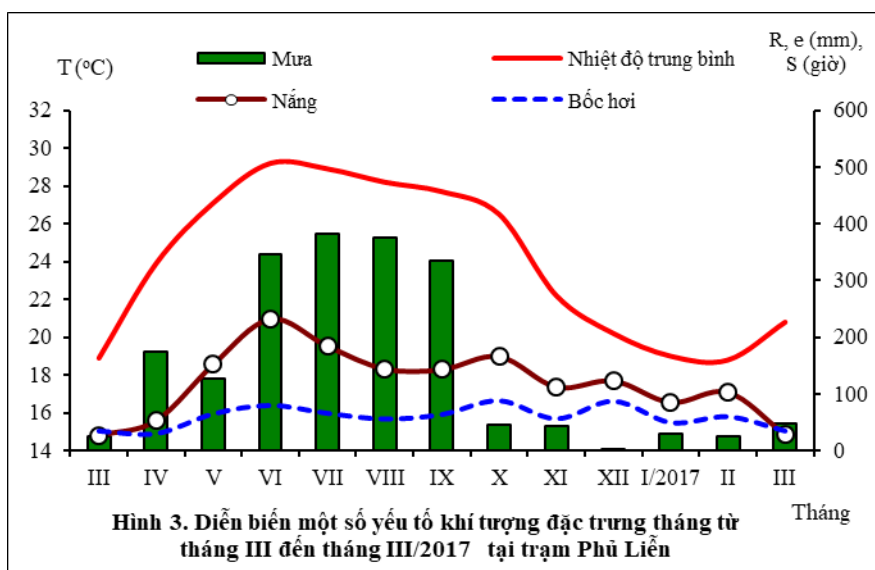
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 12 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 14 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -0,5 đến 1,7⁰C); có giá trị dao động từ 17,7⁰C đến 21,4⁰C (hình 10).



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 21,6⁰C đến 26,1⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 32,4⁰C xảy ra vào ngày 23/III tại Cao Bằng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 15,5⁰C đến 19,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 9,4 xảy ra vào ngày 27/III tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng III dao động phổ biến từ 34mm đến 172mm, cao nhất là 193mm tại Trùng Khánh, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 35mm đến 146mm (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 11mm đến 48mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 15 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2017 đo được ở các nơi trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-29 giờ đến -10 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 24 giờ đến 94 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 78% đến 93%, ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN từ -2% đến 5%; giá

trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 02/III tại Móng Cái.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 30mm đến 69mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (từ -126mm đến -10mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 6mm.

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 3 đến 6 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 17 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 20,5⁰C đến 21,9⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,3⁰C đến 1,9⁰C) (hình 10);

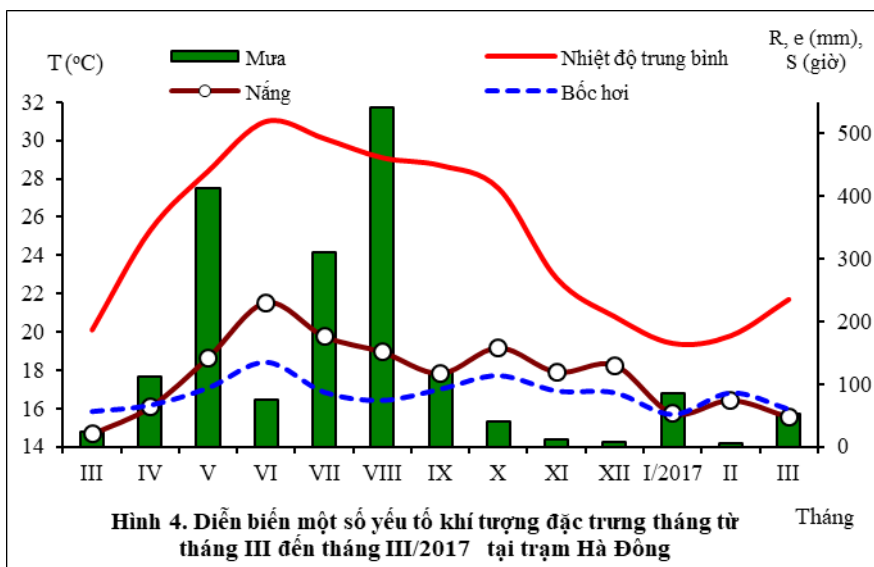
- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ 22,5⁰C đến 25,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 30,5⁰C xảy ra vào ngày 23/III tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 19,2⁰C đến 20,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,5⁰C xảy ra vào ngày 9/III tại Sơn Tây. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 10mm đến 66mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 45mm đến 101mm, cao nhất là 112mm (Láng).



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Hà Đông

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19 đến 61mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 17 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 19 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III ở các nơi trong vùng dao động từ 26 giờ đến 64 giờ; có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -19 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 84% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -4% đến -2%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 2/III tại Hưng Yên.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 30mm đến 66mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 4mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -65mm đến -30mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 5 ngày;

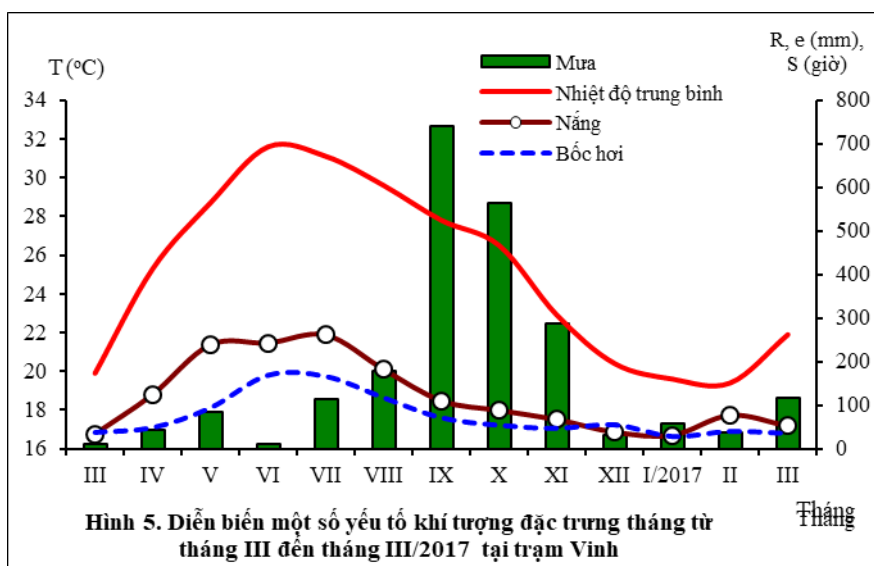
- Mưa phùn xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 4 đến 19 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,2⁰C đến 2,5⁰C, hình 10) và có giá trị từ 20,8⁰C đến 23,8⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 23,0⁰C đến 26,9⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,0⁰C xảy ra vào ngày 3/III tại Cửa Rào.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,3⁰C đến 20,6⁰C, giá

trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $12,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 3/III tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 19mm đến 138mm, cao nhất là 178mm tại Kỳ Anh. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (10mm đến 105mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 6 đến 66mm, cao nhất là 87mm, xảy ra vào ngày 21/III tại Thanh Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 14 đến 98 giờ, cao nhất là 155 giờ (Cửa Rào); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -30 giờ đến 21 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 83% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 2/III tại Tây Hiếu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 17mm đến 53mm, cao nhất là 81mm tại Cửa Rào; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 4mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-149mm đến 24mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 2 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 7 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 11 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2017 từ $21,3^{\circ}\text{C}$ đến $25,3^{\circ}\text{C}$, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,4^{\circ}\text{C}$ đến $1,4^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại

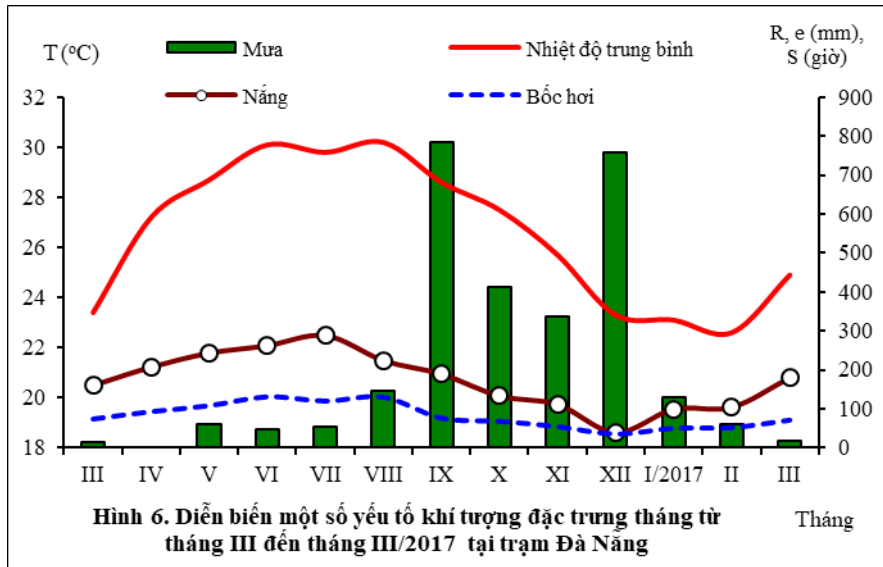
diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,7⁰C đến 31,2⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 35,3⁰C xảy ra vào ngày 13/III tại Nam Đông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 18,3⁰C đến 22,8⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 13,1⁰C xảy ra vào ngày 5/III tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng III/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng đều thấp, phổ biến từ 18mm đến 221mm tại Trà My. Ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 20mm đến 184mm).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3 đến 58mm, cao nhất là 84mm xảy ra vào ngày 25/III tại Tuyên Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 20 ngày, số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 25 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 78 giờ đến 215 giờ, cao nhất là 229 giờ tại Quảng Ngãi. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-46 giờ đến 75 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 84% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 2% đến 6%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 5/III tại Khe Sanh.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 35mm đến 71mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Tổng lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-176mm đến 53mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

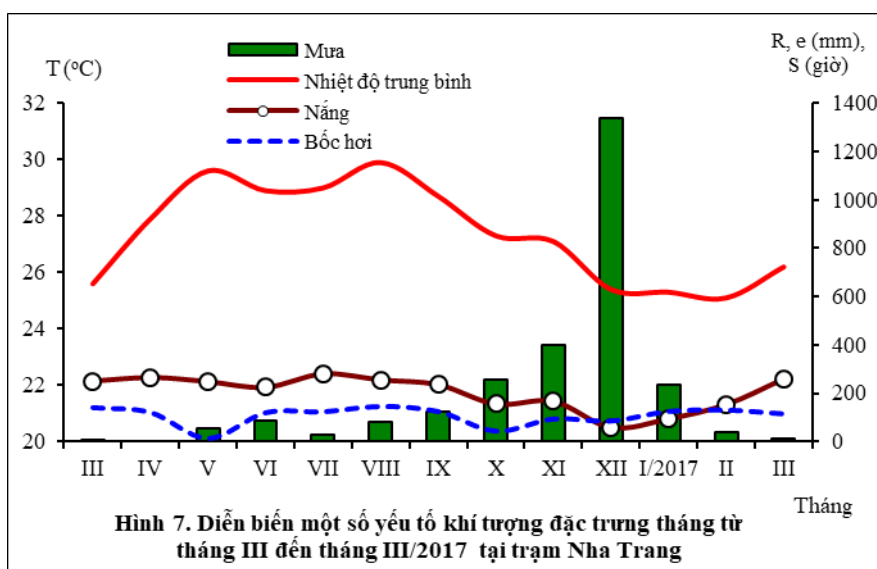
- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất 1 ngày tại Nam Đông với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 12 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 2 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2017 từ 24,8⁰C đến 26,8⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,2⁰C đến 31,5⁰C, giá trị nhiệt độ



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Nha Trang

không khí cao nhất là 33,6⁰C xảy ra vào ngày 20/III tại Hàm Tân và Cam Ranh.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,6⁰C đến 24,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,2⁰C, xảy ra vào ngày 04/III tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2017, một vài nơi trong vùng không có mưa, các nơi còn lại có lượng mưa tháng phổ biến từ 7mm đến 20mm, cao nhất là 156mm tại Phú Quý và thấp nhất là không có mưa tại Phan Thiết. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-21mm đến 129mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5mm đến 19mm, cao nhất là 132mm xảy ra vào ngày 19/III tại Phú Quý.

- Số ngày mưa trong tháng ở các nơi có mưa trong vùng phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục từ 1 đến 2 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 15 đến 31 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 223 giờ đến 288 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-46 giờ đến -23 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 76% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 40% xảy ra vào ngày 7/III tại Cam Ranh và Hàm Tân.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 66mm đến 116mm, cao nhất là 142mm tại Phan Rang. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (từ 55mm đến 133mm).

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2017 từ $18,3^{\circ}\text{C}$ đến $26,5^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,3^{\circ}\text{C}$ đến $0,8^{\circ}\text{C}$, hình 10).

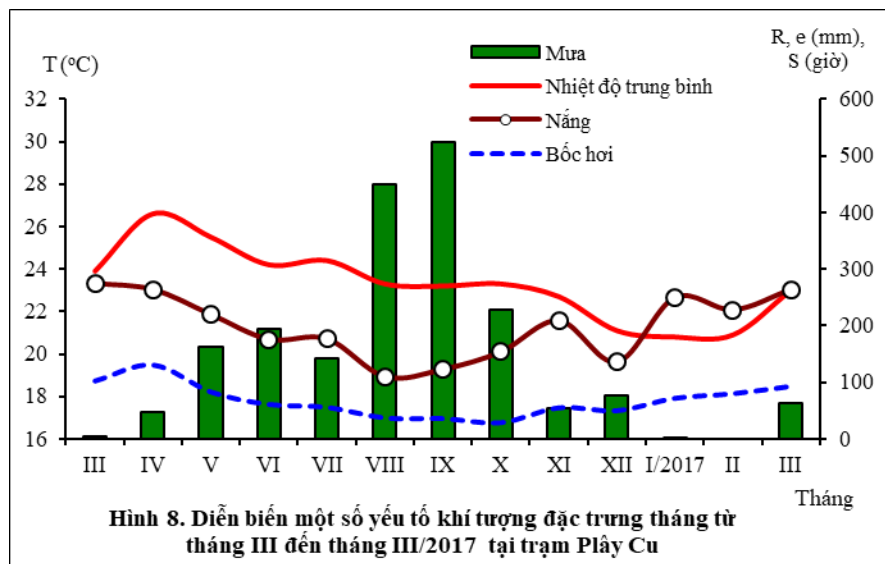
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $25,2^{\circ}\text{C}$ đến $33,5^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $36,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 23/III tại Cheo Reo.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $13,4^{\circ}\text{C}$ đến $21,4^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $8,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 07/III tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2017 trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -24mm đến 97mm, phổ biến có giá trị dao động từ 6mm đến 133mm, cao nhất là 170mm tại Bảo Lộc, riêng tại Ayunpa không có ngày mưa.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất có giá trị phổ biến dao động từ 3mm đến



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Plây Cu

42mm, cao nhất là 72mm xảy ra vào ngày 23/III tại Kon Tum. Số ngày mưa phổ biến từ 1 đến 15 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 10 đến 31 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III phổ biến từ 225 giờ đến 276 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-44 giờ đến -11 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 2% đến 5%), có giá trị phổ biến từ 66% đến 81% ; độ ẩm không khí thấp nhất là 22% xảy ra vào ngày 4/III tại Play Cu và Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 65mm đến 157mm, cao nhất là 161mm tại Buôn Ma Thuột. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động giá trị lượng mưa (-96mm đến 154mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở Kon Tum (2 ngày) và Ayunpa (4 ngày) với cường độ nhẹ.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2017 từ $26,8^{\circ}\text{C}$ đến $28,9^{\circ}\text{C}$, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,1^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ $30,0^{\circ}\text{C}$ đến $35,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $37,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 25/III tại Đồng Phú.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $22,1^{\circ}\text{C}$ đến $25,7^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $19,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 08/III tại Xuân Lộc.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III đến tháng III/2017 tại trạm Cần Thơ

Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng các nơi trong vùng phổ biến từ 13mm đến 88mm, xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-21mm đến 61mm), một số nơi không mưa như Bạc Liêu, Vũng Tàu, một số khu vực lượng mưa không đáng kể như Xuân Lộc (2mm), Cà Mau (4mm)...

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất từ 4mm đến 57mm. Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 - 9 ngày, số ngày không mưa liên tục từ 12 đến 31 ngày, số ngày mưa liên tục 1 đến 3 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2017 phổ biến từ 237 giờ đến 301 giờ; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-43 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 66% đến 81%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -4% đến 6%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 21% xảy ra vào ngày 26/III tại Đồng Phú.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 75mm đến 161mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm; lượng bốc hơi tháng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa tháng (10mm đến 141mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây không nóng từ 5 đến 20 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày dao động từ 1 đến 9 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2017

Điều kiện KTNN tháng III/2017 ở nhiều vùng trong cả nước không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt xấp xỉ TBNN, tổng lượng mưa tháng quá ít. Ở khu vực Phía Bắc: lượng mưa ít trong khi đó lượng bốc hơi cao, tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp tiếp tục kéo dài, cùng với hạn là một số đợt không khí lạnh tăng cường làm ảnh hưởng đến tiến độ sản

xuất vụ đông xuân 2016-2017. Ở các tỉnh phía Nam mưa ít, nhiều khu vực cả tháng không có mưa như Ayunpa (Tây Nguyên) Bạc Liêu, Vũng Tàu (Nam Bộ), Phan Thiết (Nam Trung Bộ) hoặc lượng mưa không đáng kể (dưới 5mm) như Cà Mau, Càng Long, Sóc Trăng, Xuân Lộc (Nam Bộ); Phan Rang, Quy Nhơn (Nam Trung Bộ) làm thiếu nước, một số khu vực bị hạn, các đợt xâm nhập mặn, triều cường gia tăng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhiệm vụ trọng tâm của ngành trồng trọt trong tháng 3 là tiếp tục xuống giống lúa đông xuân, chăm sóc lúa và các cây hoa màu vụ đông xuân, thu hoạch lúa đông xuân và xuống giống lúa hè thu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Tính đến trung tuần tháng ba, cả nước đã gieo cấy được 3036 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 100,4% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1110,4 nghìn ha, bằng 100,7%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1926 nghìn ha, bằng 100,1% cùng kỳ. Nhìn chung, vụ đông xuân năm nay xuống giống muộn hơn năm trước nên tốc độ thu hoạch chậm hơn cùng kỳ, hiện đã thu hoạch được hơn 1 triệu ha, giảm gần 103 ngàn ha, tương ứng giảm 9,3% so với cùng kỳ, ước năng suất lúa đông xuân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trên diện tích đã thu hoạch đạt 63,4 tạ/ha, giảm 0,8 tạ/ha so năm trước.

2.1. Tình hình trồng trọt

Miền Bắc: Trong tháng III/2017 các địa phương Miền Bắc đã tập trung gieo cấy, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh cho lúa đông xuân. diện tích lúa đông xuân đã gieo cấy tại các tỉnh phía Bắc đạt 1.110,4 ngàn ha, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước (tương đương 8,1 ngàn ha), trong đó vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã gieo cấy được 228,8 ha, tăng 5,3%; vùng Bắc Trung Bộ đạt 345,7 ngàn ha, tăng 0,7% so với cùng kỳ, riêng vùng Đồng bằng sông Hồng đã gieo cấy 535,9 ngàn ha, giảm 1,1% so với cùng kỳ. Do thời tiết đầu vụ Đông xuân tương đối thuận lợi, số ngày có nắng nhiều, nguồn nước đủ, bà con nông dân chủ động làm đất và gieo cấy lúa sớm nên tiến độ gieo trồng nhanh hơn so với năm trước. Hiện nay miền Bắc đang trong thời kỳ mưa xuân, thời tiết chuyển biến tốt, nắng ấm, mưa rào xuất hiện, độ ẩm trong không khí cao, tạo điều kiện thuận lợi cho những diện tích lúa đã gieo trồng sinh trưởng, phát triển tốt, trà sớm ở một số nơi đang giai đoạn đứng cái, làm đòng. Tuy nhiên khi nhiệt độ tăng dần, nhiều sương mù về đêm và sáng, nắng nhẹ trong ngày xen kẽ mưa phùn rải rác là điều kiện thuận lợi cho các đối tượng dịch hại tăng nhanh mật độ, tỷ lệ và diện tích gây hại. Các địa phương đang tiếp tục khẩn trương làm đất, cấy

lúa hoàn thành vụ chiêm xuân và chủ động phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, lập kế hoạch phương án phòng trừ các đối tượng gây hại có nguy cơ cao. Với việc đảm bảo phần lớn diện tích lúa được gieo cấy đúng lịch thời vụ, cùng với cơ cấu trà và các giống lúa sử dụng tiếp tục theo hướng tích cực, như trà xuân muộn vẫn chiếm ưu thế, tăng tỷ lệ diện tích lúa gieo thẳng; nhiều nhóm giống lúa lai, lúa chất lượng cao được đưa vào sử dụng, các cánh đồng mẫu lớn tiếp tục được mở rộng giúp cơ giới hóa trồng lúa đồng bộ hơn,... là những triển vọng bước đầu đối với vụ lúa đông xuân năm nay ở các tỉnh miền Bắc.

Miền Nam: Tính đến trung tuần tháng 3 các tỉnh phía Nam đã xuống giống lúa đông xuân được gần 1.926 ngàn ha, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vùng ĐBSCL xuống giống được hơn 1.537 ngàn ha, giảm 17 ngàn ha tương ứng 1,09% so với 4 cùng kỳ. Nguyên nhân giảm là do ảnh hưởng của xâm nhập mặn từ năm trước, thổ nhưỡng chưa được cải tạo kịp thời nên các cơ quan chức năng khuyến cáo nông dân hạn chế xuống giống lúa đông xuân ở những diện tích đất chưa được rửa mặn hoàn toàn. Mặt khác, cũng vì ảnh hưởng của xâm nhập mặn, làm cho các vụ lúa Hè thu, Thu đông kết thúc muộn, người dân không thể làm đất xuống giống kịp thời vụ nên đã bỏ vụ, hoặc chuyển những diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, trồng rau đậu, nuôi thủy sản cho giá trị kinh tế cao hơn, điển hình một số tỉnh có diện tích giảm mạnh như: Trà Vinh giảm 7.515 ha (-11,15%), An Giang giảm 3.031 ha (-1,27%), Kiên Giang giảm 2.294 ha (-0,76%), Vĩnh Long giảm 2.162 ha (-3,54%), Đồng Tháp giảm 2.086 ha (1%) so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, vụ đông xuân năm nay xuống giống muộn hơn năm trước nên tốc độ thu hoạch chậm hơn cùng kỳ, hiện đã thu hoạch được hơn 1 triệu ha, giảm gần 103 ngàn ha, tương ứng giảm 9,3% so với cùng kỳ, trong đó các tỉnh ĐBSCL đã thu hoạch hơn 971 ngàn ha, chậm hơn so với cùng kỳ 110,5 ngàn ha (-10,2%) và đạt 63,2% so với diện tích xuống giống. Ước năng suất lúa đông xuân vùng Đồng bằng sông Cửu Long trên diện tích đã thu hoạch đạt 63,4 tạ/ha, giảm 0,8 tạ/ha so năm trước. Sản lượng lúa đông xuân cả vụ toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 9,9 triệu tấn, giảm 125 nghìn tấn (giảm 1,3%) so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do trà lúa gieo sớm trở vào thời điểm gặp mưa trái mùa, lượng mưa nhiều hơn trung bình nhiều năm đã ảnh hưởng đến kết quả thụ phấn, tạo hạt, đồng thời gây đổ ngã khi thu hoạch làm giảm năng suất. Ước tính năng suất chung toàn vụ của cả miền Nam tương đương với vụ đông xuân năm trước, do diện tích lúa còn lại gieo trồng muộn hơn, ít bị ảnh hưởng của thời tiết nên khả năng cao hơn năng suất trung bình

Thời gian qua, do nắng nóng kéo dài, tình trạng ít mưa hoặc không mưa vẫn tiếp diễn, nguồn nước nội đồng cạn kiệt, cộng thêm gió chướng thổi mạnh nước mặn xâm nhập sâu vào nội đồng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp của vùng.

Ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ thời tiết nắng nóng khắc nghiệt đang gây nhiều khó khăn cho cuộc sống người dân và thiệt hại nặng nề về các loại cây nông nghiệp hoa màu các loại. Hiện tại mực nước tại các con sông Ba, Sê San, Ayun... ở Tây Nguyên đang xuống dần cùng với nguồn nước ngầm cạn kiệt làm ảnh hưởng tới cà phê và hoa màu

2.2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Cùng với hoạt động gieo cấy, thu hoạch lúa, các địa phương trên toàn quốc tiếp tục gieo trồng các cây màu lương thực vụ đông xuân đạt 545,5 ngàn ha, bằng 99,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích gieo trồng ngô đạt 361,5 ngàn ha, bằng 100,2%; khoai lang đạt 65,3 ngàn ha, bằng 94,7%; sắn đạt 113,4 ngàn ha, bằng 101% cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày vụ đông xuân đạt 233,6 ngàn ha, bằng 90,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích đậu tương đạt 31,6 ngàn ha, bằng 91,2%; diện tích lạc đạt 124,6 ngàn ha, bằng 95,9% cùng kỳ năm trước. Diện tích rau, đậu các loại đạt 481,6 ngàn ha, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù thời tiết đang thuận lợi cho rau màu phát triển nhưng diện tích rau, màu đông xuân vẫn thấp hơn cùng kỳ năm trước, chủ yếu do sự sụt giảm của cây trồng vụ đông. Hiệu quả kinh tế của cây trồng vụ đông thấp, giá trị ngày công không cao dẫn đến nhiều lao động ở nông thôn chuyển sang hoạt động trong những ngành sản xuất phi nông nghiệp. Đồng thời, chi phí giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công làm đất... tăng cao cũng ảnh hưởng đến việc đầu tư thâm canh và mở rộng diện tích gieo trồng

Chè ở Mộc Châu, Phú Hộ đang trong giai đoạn búp hái, trạng thái sinh trưởng từ kém đến trung bình. Ở Ba Vì chè lớn nảy chồi, trạng thái sinh trưởng trung bình (bảng 1);

Bắc Trung Bộ: Lạc trong giai đoạn nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình (bảng 1);

Cà phê ở Tây Nguyên đang trong thời kỳ đâm chồi, trạng thái sinh trưởng trung bình đến tốt (bảng 1).

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng III/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất
-------	--------------------------------	------	--	--------------------------------------	-----------

1	Tây Bắc, Việt Bắc	Điện Biên	Lúa chiêm đẽ nhánh	TB	3 cm
2		Văn Chấn	Lúa chiêm mọc dón	TB	3 cm
3		Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Kém	Âm
4		Tuyên Quang			
5	Đông Bắc	Lạng Sơn			
6		Bắc Giang	Lúa chiêm đẽ nhánh	Khá	3 cm
7		Uông Bí	Lúa chiêm đẽ nhánh	Khá	3 cm
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	Âm
9		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	3cm
10	Đồng bằng sông Hồng	Hải Dương	Lúa chiêm đẽ nhánh	Khá	4 cm
11		Hưng Yên	Lúa xuân BRHX	Khá	3 cm
12		Hoài Đức	Lúa xuân hè BRHX;	TB	Quá âm
13		Nam Định	Lúa chiêm mọc dón	Khá	4 cm
14		Thái Bình	Lúa xuân đẽ nhánh	Khá	3 cm
15		Hà Đông	Lúa xuân đẽ nhánh	TB	3 cm
16		Ninh Bình	Lúa xuân đẽ nhánh	TB	3 cm
17	Bắc Trung Bộ	Thanh Hóa	Lúa chiêm mọc dón	TB	3 cm
18		Yên Định	Lạc nở hoa	TB	TB
19		Đô Lương	Lúa xuân mọc dón	TB	3 cm
20		Quỳnh Lưu	Lúa chiêm mọc dón	TB	3 cm
21		Huế	Lúa xuân mọc dón	TB	3 cm
22	Nam Trung Bộ	An Nhơn			
23		Tuy Hoà			
24	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê đậm chồi	Tốt	TB
25	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	TB
26		Mỹ Tho	Lúa mùa thu hoạch		
27		Bạc Liêu	Chuyển vụ		
28		Trà Nóc	Ngô lá thứ 7	Khá	TB

2.3. Tình hình sâu bệnh

Theo báo cáo của Cục Bảo Vệ Thực vật trong tháng 3, một số đối tượng dịch hại lúa giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn các loại dịch này tập trung chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, diện tích lúa do chuột hại là 8.920,1 ha giảm hơn 1000 ha so với cùng kỳ năm ngoái, bệnh bạc lá tổng diện tích nhiễm 7.215ha giảm gần 4000 ha so với cùng kỳ năm ngoái, sâu cuốn lá nhỏ diện tích nhiễm 6.944 giảm 1.646 ha so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó một số đối tượng dịch hại có chiều hướng gia tăng mạnh như đạo ôn hại lúa diện tích bị nhiễm là 32.405 ha tăng 14.462 ha so với cùng kỳ năm ngoái, đặc biệt diện tích sâu năn hại lúa tăng mạnh với diện tích nhiễm 46.213 ha tăng 41.116 ha so với cùng kỳ năm ngoái. Tình hình sâu bệnh trên lúa như sau:

- *Bệnh bạc lá*: Tổng diện tích nhiễm 7.215 ha, diện tích nhiễm nặng 110 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- *Chuột*: Tổng diện tích hại 8.920,1 ha, diện tích nhiễm nặng 66,6 ha. Chuột hại tại các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- *Đạo ôn cổ bông*: Hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 6.356 ha, diện tích nhiễm nặng 25 ha.

- *Đạo ôn lá*: Hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 32.405 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 150 ha.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 15.042 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 215 ha tập trung tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- *Rầy nâu - rầy lưng trắng*: Tổng diện tích nhiễm 29.757 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 443 ha. Tập trung chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 6.944 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 1 ha.

- *Sâu đục thân*: Diện tích nhiễm sâu non 2788 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 23 ha. Sâu non gây hại chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- *Ốc brou vàng*: Hại lúa với diện tích 8.880 ha, trong đó diện tích bị hại nặng 302 ha tập trung chủ yếu ở các tỉnh Phía Bắc, Miền Trung, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- *Sâu năn hại lúa*: Sâu hại chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long

với diện tích 46.213 ha, trong đó hại nặng 23.822 ha.

- *Vàng lá*: Hại rải rác ở các tỉnh Phía Nam với tổng diện tích 1973 ha, giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích bị hại nặng 110 ha.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV, V và VI/2017

3.1. Nhiệt độ

Trong mùa 3 tháng IV - VI năm 2017, nhiệt độ có khả năng xấp xỉ đến thấp hơn TBNN trên phần lớn nước ta với xác suất từ 60 đến trên 77%; nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN ở một phần diện tích Tây Bắc, Việt Bắc, phía Nam Tây Nguyên, cực nam Trung Bộ và một phần nhỏ diện tích Nam Bộ với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ trung bình 3 tháng IV - VI năm 2017 dao động chủ yếu từ -1,5 đến 1°C.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa IV - VI năm 2017 có khả năng ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ, khu vực Thanh Hóa, Nghệ An với xác suất từ 60 đến trên 77%; cao hơn TBNN trên đại bộ phận diện tích khu vực từ Quảng Bình trở vào với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai lượng mưa 3 tháng IV - VI năm 2017 dao động chủ yếu từ dưới 200 đến 400mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Không khí lạnh: số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Khô hạn: Thời kỳ từ tháng IV đến VI là mùa khô ở Nam Trung Bộ. Do vậy, các khu vực này cần có các giải pháp sản xuất và sinh hoạt phù hợp với điều kiện khô và thiếu nước.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng III và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng IV/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng IV, V và VI/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường các biện pháp phòng trừ bệnh đạo ôn, rầy nâu, sâu cuốn lá trên lúa xuân và các loại sâu bệnh trên rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Tăng cường chăm sóc đảm bảo cho lúa đẻ nhánh, mọc dón, làm đòng thuận lợi và các cây trồng khác phát triển thuận lợi;
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa đông xuân trở bông vào cuối tháng IV đầu tháng V.

2. Miền Trung:

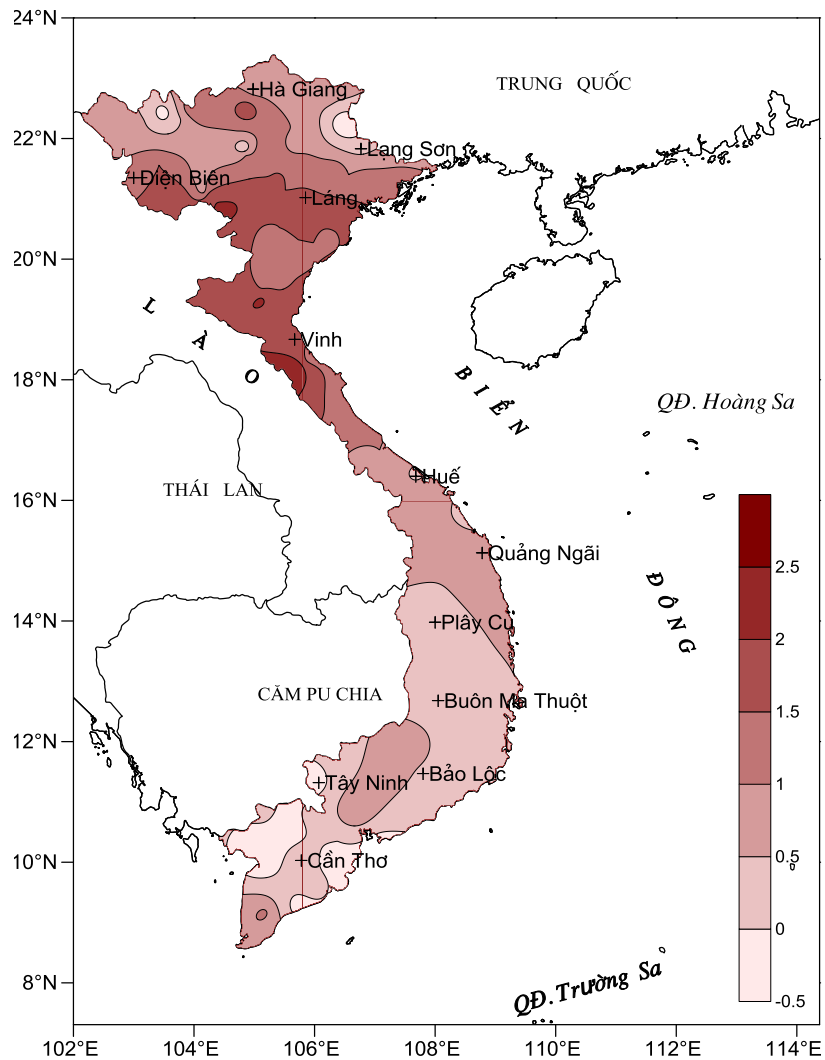
- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;
- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.

3. Miền Nam

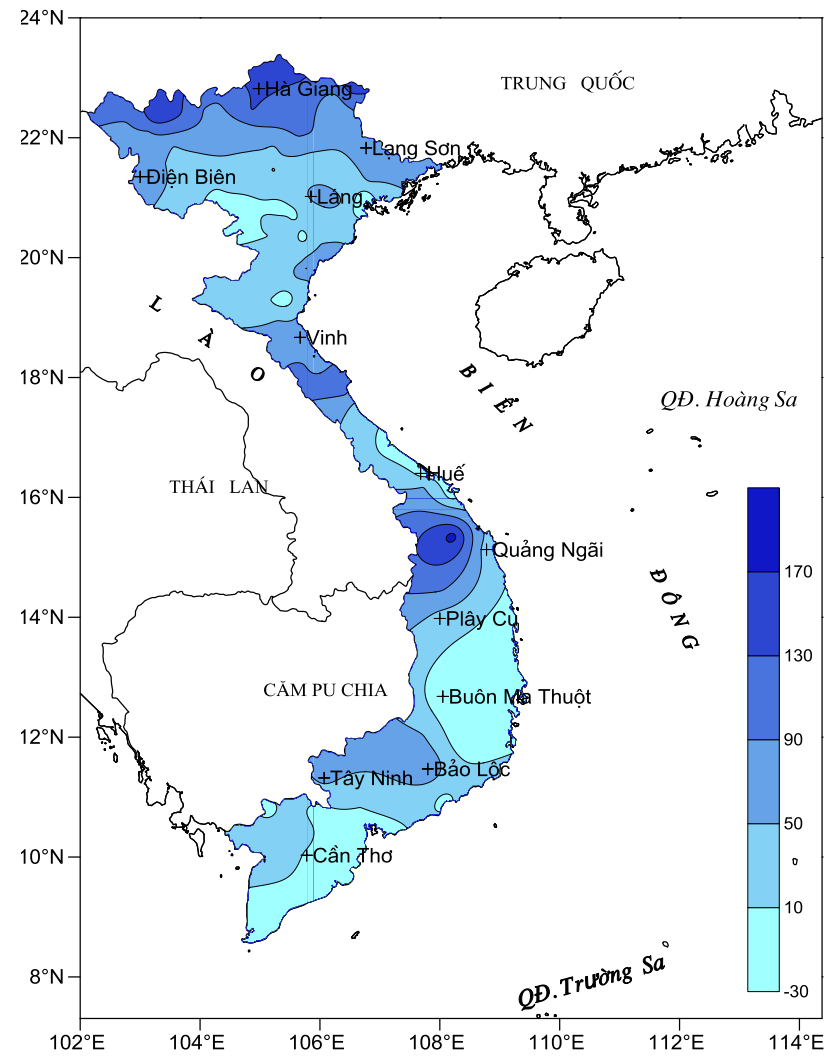
- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn;
- Chăm sóc lúa mùa và lúa xuân đợt muộn đang trong giai đoạn chắc xanh, đảm bảo cho thu hoạch đạt năng suất cao;
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt cần có các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn dịch rầy nâu, bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá, bệnh đạo ôn trên lúa và các loại sâu bệnh trên các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

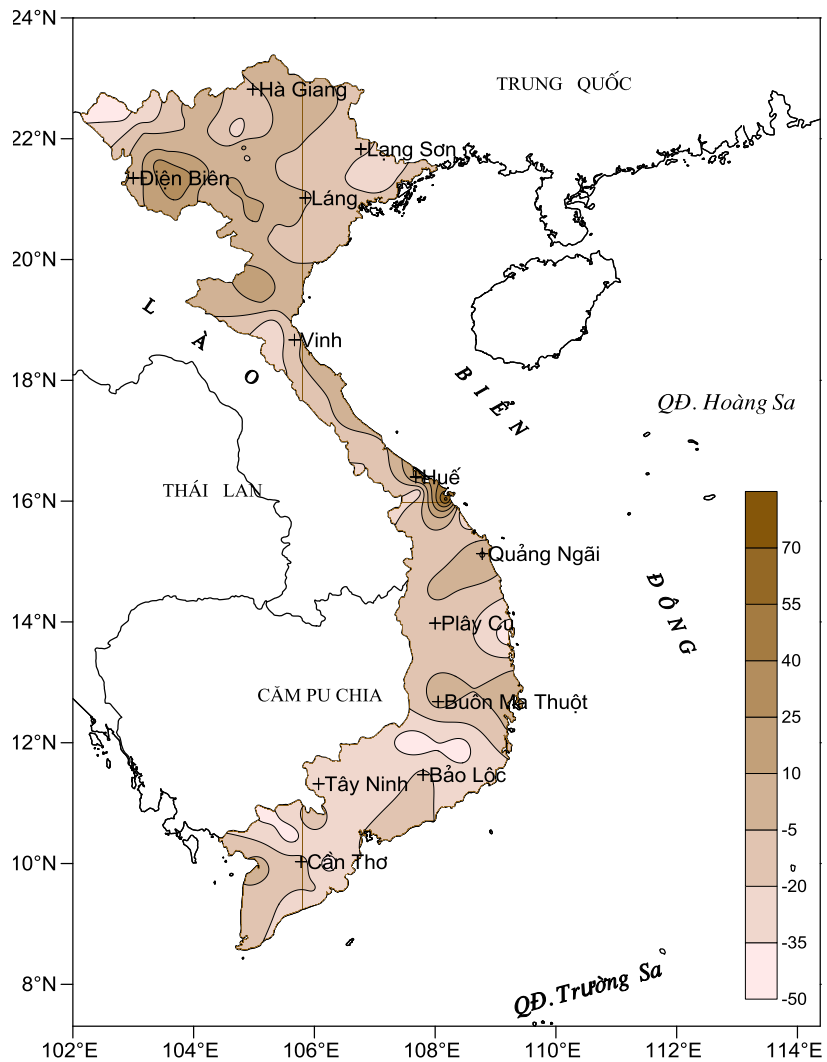
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IV, V, VI/2017;
2. <http://www.nchmf.gov.vn/web/vi-VN/70/40/Default.aspx>, Nhận định xu thế thời tiết tháng 4 năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng III năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



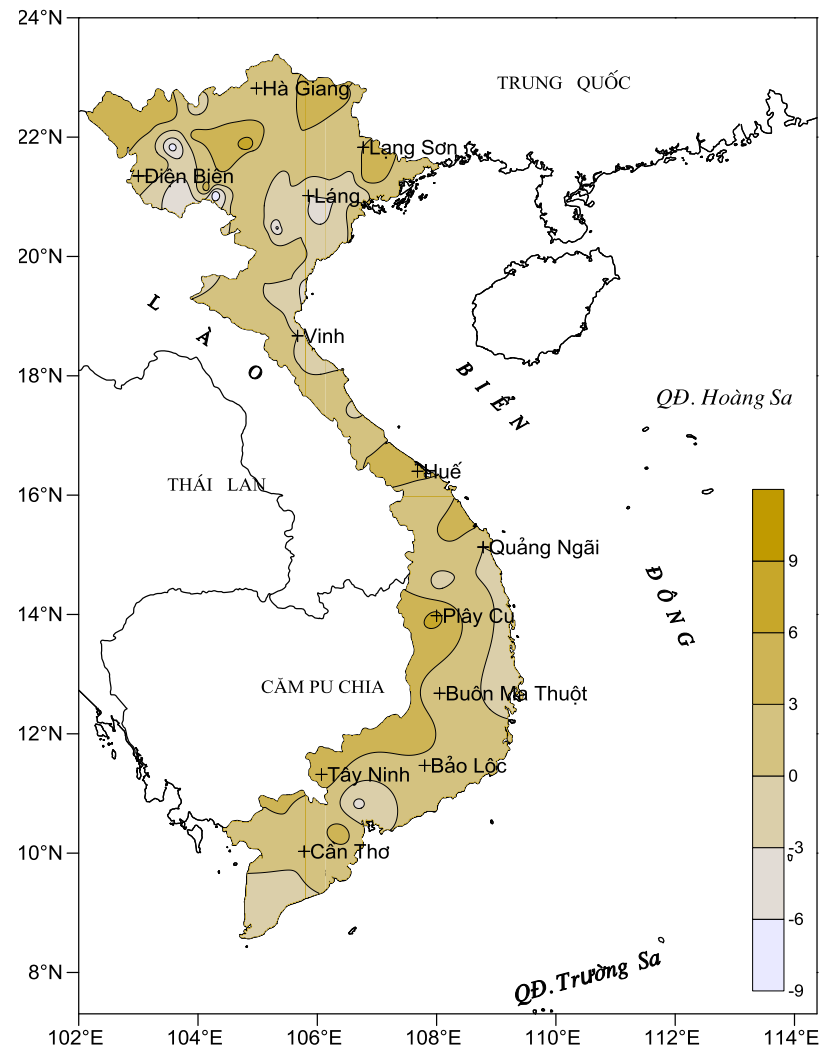
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng III/2017 so với TBNN (°C)



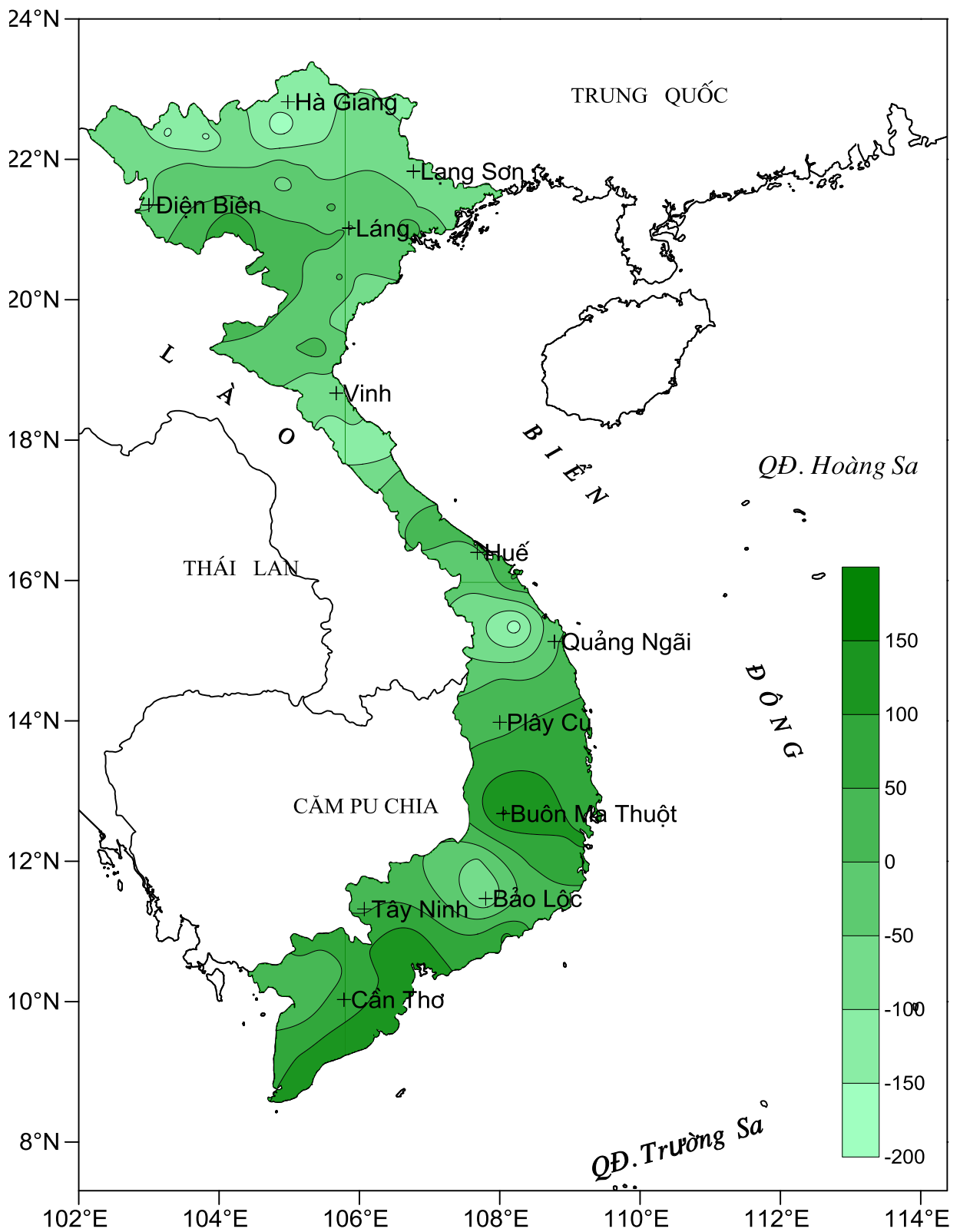
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng III/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng III/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng III/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng III/2017 (mm)